

Phu lục 2:

**DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO
DÀNH CHO THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG**

*(Kèm theo Thông báo số: 641/TB-ĐHCT ngày 05 tháng 4 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ, Mã Trường: TCT

Địa chỉ: Khu II, Đường 3/2, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ; Điện thoại: (0710) 3872.728

Email: tuyensinh@ctu.edu.vn

Website: <http://tuyensinh.ctu.edu.vn>

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Khối bổ sung kiến thức
1	Bảo vệ thực vật	52620112	Khoa học tự nhiên
2	Bệnh học thủy sản	52620302	Khoa học tự nhiên
3	Chăn nuôi	52620105	Khoa học tự nhiên
4	Chính trị học	52310201	Khoa học Xã hội-nhân văn
5	Công nghệ chế biến thủy sản	52540105	Khoa học tự nhiên
6	Công nghệ kỹ thuật hóa học	52510401	Khoa học tự nhiên
7	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	52620113	Khoa học tự nhiên
8	Công nghệ Sau thu hoạch	52540104	Khoa học tự nhiên
9	Công nghệ sinh học	52420201	Khoa học tự nhiên
10	Công nghệ thông tin	52480201	Khoa học tự nhiên
11	Công nghệ thực phẩm	52540101	Khoa học tự nhiên
12	Hệ thống thông tin	52480104	Khoa học tự nhiên
13	Hóa học	52440112	Khoa học tự nhiên
14	Hóa dược	52720403	Khoa học tự nhiên
15	Kế toán	52340301	Khoa học tự nhiên
16	Khoa học cây trồng	52620110	Khoa học tự nhiên
17	Khoa học đất	52440306	Khoa học tự nhiên
18	Khoa học máy tính	52480101	Khoa học tự nhiên
19	Khoa học môi trường	52440301	Khoa học tự nhiên
20	Khuyến nông (học ở Hòa An)	52620102	Khoa học tự nhiên
21	Kiểm toán	52340302	Khoa học tự nhiên
22	Kinh doanh nông nghiệp (học ở Hòa An)	52620114	Khoa học tự nhiên
23	Kinh doanh quốc tế	52340120	Khoa học tự nhiên
24	Kinh doanh thương mại	52340121	Khoa học tự nhiên
25	Kinh tế	52310101	Khoa học tự nhiên
26	Kinh tế nông nghiệp	52620115	Khoa học tự nhiên
27	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	52850102	Khoa học tự nhiên
28	Kỹ thuật cơ - điện tử	52520114	Khoa học tự nhiên
29	Kỹ thuật cơ khí	52520103	Khoa học tự nhiên
30	Kỹ thuật Vật liệu	52520309	Khoa học tự nhiên

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Khối bổ sung kiến thức
31	Kỹ thuật công trình xây dựng	52580201	Khoa học tự nhiên
32	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	52520207	Khoa học tự nhiên
33	Kỹ thuật điện, điện tử (<i>Kỹ thuật điện</i>)	52520201	Khoa học tự nhiên
34	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	52520216	Khoa học tự nhiên
35	Kỹ thuật máy tính	52520214	Khoa học tự nhiên
36	Kỹ thuật môi trường	52520320	Khoa học tự nhiên
37	Kỹ thuật phần mềm	52480103	Khoa học tự nhiên
38	Kỹ thuật tài nguyên nước	52580212	Khoa học tự nhiên
39	Lâm sinh	52620205	Khoa học tự nhiên
40	Luật	52380101	Khoa học Xã hội-nhân văn
41	Marketing	52340115	Khoa học tự nhiên
42	Ngôn ngữ Anh	52220201	Khoa học Xã hội-nhân văn
43	Ngôn ngữ Pháp	52220203	Khoa học Xã hội-nhân văn
44	Nông học	52620109	Khoa học tự nhiên
45	Nuôi trồng thủy sản	52620301	Khoa học tự nhiên
46	Phát triển nông thôn	52620116	Khoa học tự nhiên
47	Quản lý công nghiệp	52510601	Khoa học tự nhiên
48	Quản lý đất đai	52850103	Khoa học tự nhiên
49	Quản lý nguồn lợi thủy sản	52620305	Khoa học tự nhiên
50	Quản lý tài nguyên và môi trường	52850101	Khoa học tự nhiên
51	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	52340103	Khoa học tự nhiên
52	Quản trị kinh doanh	52340101	Khoa học tự nhiên
53	Sinh học	52420101	Khoa học tự nhiên
54	Sinh học ứng dụng	52420203	Khoa học tự nhiên
55	Tài chính - Ngân hàng	52340201	Khoa học tự nhiên
56	Thông tin học	52320201	Khoa học Xã hội-nhân văn
57	Thú y	52640101	Khoa học tự nhiên
58	Toán ứng dụng	52460112	Khoa học tự nhiên
59	Triết học	52220301	Khoa học Xã hội-nhân văn
60	Truyền thông và mạng máy tính	52480102	Khoa học tự nhiên
61	Văn học	52220330	Khoa học Xã hội-nhân văn
62	Vật lý kỹ thuật	52520401	Khoa học tự nhiên
63	Việt Nam học (<i>Hướng dẫn viên DL</i>)	52220113	Khoa học Xã hội-nhân văn
64	Xã hội học	52310301	Khoa học Xã hội-nhân văn

Ghi chú: các môn học bổ sung kiến thức theo khối

- Khối khoa học tự nhiên: Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin học
- Khối khoa học xã hội – nhân văn: Văn, Sử, Địa, tiếng Anh, Tin học